

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất khung kim loại 1.200.000 bộ/năm, công tắc nguồn điện và các linh phụ kiện điện tử phối bộ 600.000 bộ/năm; máy điều khiển cầm tay 600.000 bộ/năm; hộp điều khiển 60.000 bộ/năm; khung ghế sofa, thanh trượt điện động dùng trong sản xuất giường điện động 6.000.000 bộ/năm; bàn nâng hạ thông minh 600.000 bộ/năm; motor 1.200.000 cái/năm; phụ kiện nhựa phối bộ 600.000 bộ/năm và linh phụ kiện kim loại 600.000 bộ/năm” do Công ty TNHH Kaidi Electrical International Việt Nam làm Chủ đầu tư tại lô A23-A, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất khung kim loại cho ghế sofa, công tắc nguồn điện; máy điều khiển cầm tay; hộp điều khiển; thanh trượt; bàn nâng hạ thông minh; motor, công suất 10.260.000 cái/năm; phụ kiện nhựa phối bộ và linh phụ kiện kim loại, công suất 1.200.000 bộ/năm” họp ngày 05/01/2022 tại Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất khung kim loại 1.200.000 bộ/năm, công tắc nguồn điện và các linh phụ kiện điện tử phối bộ 600.000 bộ/năm; máy điều khiển cầm tay 600.000 bộ/năm; hộp điều khiển 60.000 bộ/năm; khung ghế sofa, thanh trượt điện động dùng trong sản xuất giường điện động 6.000.000 bộ/năm; bàn nâng hạ thông minh 600.000 bộ/năm; motor 1.200.000 cái/năm; phụ kiện nhựa phối bộ 600.000 bộ/năm và linh phụ kiện



kim loại 600.000 bộ/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 02/CV-ĐTM ngày 14/5/2022 của Công ty TNHH Kaidi Electrical International Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 19/TTr-BQL ngày 23/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất khung kim loại 1.200.000 bộ/năm, công tắc nguồn điện và các linh phụ kiện điện tử phối bộ 600.000 bộ/năm; máy điều khiển cầm tay 600.000 bộ/năm; hộp điều khiển 60.000 bộ/năm; khung ghế sofa, thanh trượt điện động dùng trong sản xuất giường điện động 6.000.000 bộ/năm; bàn nâng hạ thông minh 600.000 bộ/năm; motor 1.200.000 cái/năm; phụ kiện nhựa phối bộ 600.000 bộ/năm và linh phụ kiện kim loại 600.000 bộ/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Kaidi Electrical International Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) làm Chủ đầu tư tại lô A23-A, KCN Becamex – Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kaidi Electrical International Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ TNMT;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- UBND xã Minh Thành;
- Công ty CP PTHTKT Becamex – Bình Phước;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-7KKT_{24/5}).


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất khung kim loại 1.200.000 bộ/năm, công tắc nguồn điện và các linh phụ kiện điện tử phối bộ 600.000 bộ/năm; máy điều khiển cầm tay 600.000 bộ/năm; hộp điều khiển 60.000 bộ/năm; khung ghế sofa, thanh trượt điện động dùng trong sản xuất giường điện động 6.000.000 bộ/năm; bàn nâng hạ thông minh 600.000 bộ/năm; motor 1.200.000 cái/năm; phụ kiện nhựa phối bộ 600.000 bộ/năm và linh phụ kiện kim loại 600.000 bộ/năm” do Công ty TNHH Kaidi Electrical International Việt Nam làm Chủ đầu tư tại lô A23-A, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số: 985 /QĐ-UBND ngày 26 / 5 /2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất khung kim loại 1.200.000 bộ/năm, công tắc nguồn điện và các linh phụ kiện điện tử phối bộ 600.000 bộ/năm; máy điều khiển cầm tay 600.000 bộ/năm; hộp điều khiển 60.000 bộ/năm; khung ghế sofa, thanh trượt điện động dùng trong sản xuất giường điện động 6.000.000 bộ/năm; bàn nâng hạ thông minh 600.000 bộ/năm; motor 1.200.000 cái/năm; phụ kiện nhựa phối bộ 600.000 bộ/năm và linh phụ kiện kim loại 600.000 bộ/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô A23-A, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Kaidi Electrical International Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Lô A23-A, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nhà máy sản xuất khung kim loại 1.200.000 bộ/năm, công tắc nguồn điện và các linh phụ kiện điện tử phối bộ 600.000 bộ/năm; máy điều khiển cầm tay 600.000 bộ/năm; hộp điều khiển 60.000 bộ/năm; khung ghế sofa, thanh trượt điện động dùng trong sản xuất giường điện động 6.000.000 bộ/năm; bàn nâng hạ thông minh 600.000 bộ/năm; motor 1.200.000 cái/năm; phụ kiện nhựa phối bộ 600.000 bộ/năm và linh phụ kiện kim loại 600.000 bộ/năm” được thực hiện trên diện tích mặt đất 120.901 m² tại lô A23-A, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3, nhà xưởng 4 (kho nguyên liệu), nhà xưởng 5, nhà xưởng 6, văn phòng.

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý bụi mài, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại,...

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.



1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

a) Quy trình sản xuất khung kim loại, bàn nâng hạ thông minh và khung ghế sofa, thanh trượt điện động:

Nguyên liệu (Phôi sắt, thép) → Cắt → Gia công (Uốn, đập, đục lỗ, tiện ren, mài) → Hàn → Xử lý bề mặt (1) → Sấy 1 → Phun sơn tĩnh điện/Sơn nhúng → Sấy 2 → Kiểm tra → Lắp ráp hoàn chỉnh → Thành phẩm.

Quy trình xử lý bề mặt (1): Nguyên liệu cần xử lý bề mặt → Rửa nước → Tẩy dầu → Rửa nước → Hoạt hoá bề mặt → Rửa nước.

b) Quy trình sản xuất motor:

Nguyên liệu (Lõi trục, vòng trục, giấy cách điện, tấm cách điện, dây đồng,... + Phụ kiện khác) → Ép lõi trục + Lắp ráp phụ kiện → Quấn dây đồng, hàn → Lắp ráp → Kiểm tra → Thành phẩm.

c) Quy trình sản xuất công tắc nguồn, máy điều khiển cầm tay và hộp điều khiển:

Bản mạch in (PCB) → Dán linh kiện lên bo mạch → Hàn ngược (Làm khô que hàn) → Kiểm tra → Gắn linh kiện → Hàn → Châm keo, sửa hàng lỗi → Lắp ráp → Kiểm tra, thử nghiệm → Dán nhãn, đóng gói → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc, thiết bị:* Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển, bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng và lắp đặt thiết bị, nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị,...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi và khí thải từ quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 12 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm: BOD₅, COD₅, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, coliforms,...

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 5 m³/ngày, bao gồm: nước thải rửa xe và nước thải từ quá trình thi công xây dựng, chủ yếu chứa bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ,...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sản xuất*: Phát sinh khoảng 140 m³/ngày, chủ yếu chứa nhiều cặn lơ lửng và kim loại nặng (Fe).

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 120 m³/ngày, bao gồm: nước thải sinh hoạt của công nhân và nước thải nhà ăn, thành phần có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã và vi sinh vật,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng*: Chứa các thành phần ô nhiễm như: bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng*: Chứa các thành phần ô nhiễm như: bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải từ hoạt động lắp đặt thiết bị*: Quá trình khoan, cắt, hàn phát sinh chủ yếu: bụi, hơi kim loại.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy*: Thành phần khí thải gồm: bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất*: Chủ yếu phát sinh từ quá trình cắt kim loại, gia công cơ khí, tẩy rửa bề mặt kim loại, sơn, sấy, in kem hàn, hàn, chấm keo, vệ sinh bảng mạch in..., thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm: bụi, các chất hữu cơ bay hơi,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 15 tấn cho tổng quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn, gỗ vụn ván khuôn hư...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh 90 kg/ngày, thành phần gồm: rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp,...

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Khối lượng phát sinh khoảng 164 tấn/năm, gồm: các loại phụ kiện (kim loại, nhựa,...) hỏng, đá mài thải, bao bì thải,...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 900 kg/ngày, gồm: chất hữu cơ (rác thực phẩm), giấy, nylon, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hoặc kim loại,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:



Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1,5 tấn trong suốt quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, bao bì đựng sơn, dầu màu que hàn, giấy nhám,...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 3.811 tấn/năm, gồm: kim loại thải dính dầu gia công, các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải, dung dịch phủ bóng bảng mạch thải, than hoạt tính thải, cặn sơn, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Sử dụng nhà vệ sinh di động, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng:* Bố trí bể lắng cát, bể tách dầu mỡ để giữ lại các chất rắn, nước thải được tái sử dụng cho quá trình thi công. Kết thúc quá trình xây dựng các bể được san ủi, hoàn trả lại mặt bằng.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:*

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại; nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất:* Nước thải sản xuất thu gom, chứa tại 02 bể nước thải sản xuất, xử lý sơ bộ tại cụm xử lý hoá lý (keo tụ - tạo bông) sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

Quy trình xử lý sơ bộ nước thải sản xuất như sau: Nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể trung gian 1 → Lọc than hoạt tính → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm

- *Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm với công nghệ xử lý như sau:*

Nước thải (Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn, nước thải sản xuất sau xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa chung → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 2 → Bể lọc áp lực → Bể khử trùng → Bể chứa nước sạch → Đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của khu công nghiệp Becamex - Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Che chắn công trường xây dựng, có kế hoạch thi công thích hợp, các thiết bị, máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, được bảo dưỡng thường xuyên, thường xuyên tưới ẩm,...

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải từ các hoạt động cơ khí: Trang bị bảo hộ lao động, gồm: mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân thực hiện các hoạt động cơ khí tại công trình; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công,...

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy: Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ, bố trí bãi đậu xe hợp lý, trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy,...

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình sản xuất: Nhà xưởng xây dựng thông thoáng; đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, khép kín; sử dụng nhiên liệu gas LPG để cung cấp nhiệt cho lò sấy; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng dây chuyền sản xuất để đạt hiệu suất tốt nhất, hạn chế phát sinh bụi, khí thải ra môi trường; trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động,... Tại các dây chuyền sản xuất, lắp đặt các hệ thống xử lý bụi, khí thải để giảm thiểu ô nhiễm, cụ thể như sau:

+ Giảm thiểu bụi khí thải từ quá trình cắt kim loại, gia công cơ khí: Sử dụng máy cắt có thiết kế rãnh thu hồi bụi kim loại và máy gia công cơ khí CNC hiện đại, tự động và khép kín.

+ Giảm thiểu bụi từ quá trình mài: Lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi mài với quy trình xử lý như sau: Bụi kim loại → Chụp hút → Ống dẫn → Hệ thống túi vải → Quạt hút → Ống thải.

+ Giảm thiểu bụi sơn từ quá trình sơn tĩnh điện và sấy sau sơn: Sử dụng công nghệ sơn tĩnh điện khô (sơn dạng bột) hiện đại.

Hệ thống xử lý và thu hồi bột sơn tĩnh điện như sau: Bụi sơn → Filter → Ống dẫn → Quạt hút → Thùng chứa bột sơn tái sử dụng.

+ Giảm thiểu hơi hoá chất, hơi dầu khoáng phát sinh từ quá trình xử lý bề mặt, sơn nhúng và sấy:

Lắp đặt 02 hệ thống xử lý hơi hoá chất, hơi dầu khoáng với quy trình xử lý như sau: Khí thải → Chụp hút, quạt hút → Tháp rửa khí → Thiết bị khử mùi UV → Ống thải (đường kính 0,4 m, chiều cao 12m).

+ Giảm thiểu khí thải (hơi VOC) phát sinh từ quá trình sản xuất các thiết bị điện tử: Lắp đặt 01 hệ thống thu gom và xử lý khí thải với quy trình xử lý như sau: Khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Thùng lọc than hoạt tính → Ống thải (đường kính 0,5 m, chiều cao 7m).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

+ Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

+ Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh đề áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh, lưu chứa trong kho chứa chất thải rắn thông thường và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy, sau đó tập kết về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt và hợp đồng với

đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, tập kết về khu vực chứa chất thải sinh hoạt diện tích 27 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường, phân loại các chất thải và lưu giữ tại nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 27 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 10 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rón để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng,... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 27 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rón để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng,... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc, thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; không thi

công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao; các thiết bị thì công phải có chân đế để hạn chế độ rung; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân,...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Lắp đặt các hệ thống hút và xử lý khí thải cho các chuyên sản xuất, tránh để nhiệt dư từ khí thải phát tán ra xưởng sản xuất; thiết kế nhà máy thông thoáng, bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt; đảm bảo diện tích cây xanh,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng, chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức

khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Công trình, hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.
- Công trình, hệ thống xử lý mùi, hơi hoá chất, hơi dầu khoáng từ quá trình xử lý bề mặt, sơn, sấy (số lượng: 02 hệ thống, công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ mỗi hệ thống).
- Công trình, hệ thống thu gom và xử lý bụi mài (số lượng: 01 hệ thống, công suất thiết kế: 7.000 m³/giờ).
- Công trình, hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ quá trình sản xuất thiết bị điện tử (số lượng: 01 hệ thống, công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ).
- Nhà kho chứa chất thải sinh hoạt (số lượng 01 nhà, diện tích 27 m²).
- Nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (số lượng 01 nhà, diện tích 27 m²).
- Nhà kho chứa chất thải nguy hại (số lượng 01 nhà, diện tích 27 m²).
- Thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm: Theo quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.2.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí và thông số giám sát:* 01 vị trí tại đầu vào (bể điều hoà chung) và 01 vị trí tại hồ ga sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, SS, tổng nitơ, amoni, tổng P, Fe tổng, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Becamex - Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT).

5.2.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí ống thải sau hệ thống thu gom, xử lý khí thải của quá trình sản xuất và thiết bị điện tử: Lưu lượng, bụi, VOC.

+ 01 vị trí ống thải sau hệ thống lọc thu gom, xử lý hơi hoá chất, hơi dầu khoáng: Lưu lượng, hơi dầu khoáng, VOC (butyl carbitol).

+ 01 vị trí ống thải sau hệ thống thu gom, xử lý khí thải bụi mài: Lưu lượng, bụi.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Tiêu chuẩn so sánh*: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.2.3. Giám sát không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát*:

+ 01 vị trí tại khu vực gia công cơ khí: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, ánh sáng, bụi, CO, SO₂, NO₂, VOC.

+ 01 vị trí tại khu vực xử lý bề mặt, sơn nhúng và sấy: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, ánh sáng, bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi dầu khoáng, VOC.

+ 01 vị trí tại khu vực sản xuất thiết bị điện tử: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, ánh sáng, bụi, CO, SO₂, NO₂.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị của Dự án:

Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng chất thải nguy hại và các loại chất thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, quy định về quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6.2. Trong giai đoạn vận hành thương mại Dự án:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khu công nghiệp. Dự án chỉ được đi vào hoạt động sau khi KCN Becamex - Bình Phước đi vào hoạt động hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ dự án đạt quy chuẩn theo quy định.

- Thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

